

Báo cáo

Thí điểm xây dựng hệ số R cho chia sẻ lợi ích REDD+ tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Phạm Minh Thoa (Tổng cục Lâm nghiệp), Phùng Văn Khoa (Đại học Lâm nghiệp), Adrian Enright (SNV), Nguyễn Thành Trung (Chuyên gia tài chính), Nguyễn Trúc Bồng Sơn (Trung tâm khuyến nông khuyến lâm tỉnh Lâm Đồng)

Tháng 4/ 2012



Lời giới thiệu

Cơ chế chia sẻ lợi ích trong sáng kiến "Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng" (REDD+) được coi như là “sự thỏa thuận giữa các bên liên quan, như các tổ chức tư nhân, cộng đồng địa phương, các cơ quan chính phủ và các tổ chức phi lợi nhuận về cách thức chia sẻ lợi ích một cách công bằng trong việc kinh doanh tín chỉ carbon rừng¹”.

Hệ thống chia sẻ lợi ích (BDS) do đó đã trở thành một vấn đề quan trọng trong việc thực hiện các hoạt động REDD+ ở Việt Nam. Các nghiên cứu ban đầu được tiến hành thông qua Chương trình UN-REDD, trong đó bao gồm quá trình khảo sát và xây dựng cấu trúc BDS phù hợp cho REDD+ ở Việt Nam, xoay quanh các vấn đề như hệ thống pháp lý, thể chế thích hợp nhất cho BDS, mức chia sẻ lợi ích bao nhiêu, cho ai và khi nào. Các lợi ích môi trường và xã hội cũng được nhấn mạnh trong quá trình thiết kế BDS. Do đó, vấn đề đa lợi ích là một trong những kim chỉ nam của Chương trình UN-REDD và trong quá trình xây dựng Chương trình REDD+ quốc gia. Đặc biệt, Chương trình UN-REDD Việt Nam đang nghiên cứu hệ số chi trả cho các hoạt động REDD+ (hệ số R), coi đây là một công cụ để giúp REDD+ mang lại lợi ích nhiều mặt cho Việt Nam. Hệ số R được xây dựng với mục đích giới thiệu cách thức chi trả REDD+ dựa vào kết quả thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chia sẻ lợi ích REDD+ phù hợp với các lợi ích về xã hội, môi trường và địa lý khác nhau. Trong trường hợp này, hệ số R cũng có thể được xem như là một loại hình của các chính sách đảm bảo an toàn về môi trường và xã hội đang được triển khai thông qua cơ chế BDS. Báo cáo này sẽ tập trung vào đề xuất xây dựng hệ số R, tập trung vào vấn đề đa lợi ích được tích hợp trong quá trình xây dựng các hệ thống chia sẻ lợi ích trên toàn cầu và xác định một số yếu tố cân bằng chính phù hợp để tích hợp. Các hệ số R sau đó sẽ được thảo luận, giải thích trong công thức tính toán và các biện pháp ước đoán được sử dụng để lượng hóa. Phần cuối báo cáo là kết quả thảo luận của các cuộc tham vấn được triển khai về xây dựng và ứng dụng hệ số R ở huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

¹Tổ chức Nông lương thế giới (FAO) (2005)



I. Đa lợi ích trong BDS: kinh nghiệm quốc tế

1.1. Xác định lợi ích nhiều mặt trong việc chi trả và quyết định về hình thức chi trả

Giai đoạn đầu tiên của REDD+ trên thế giới đã cho thấy các kinh nghiệm và bài học của quốc tế từ việc chia sẻ lợi ích, đặc biệt là cho REDD+, là có giới hạn. Mặc dù vậy, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm từ các hệ thống chi trả khác nhau để cân nhắc xem xét xây dựng BDS cho REDD+ tại Việt Nam. Đặc biệt, chi trả cho dịch vụ sinh thái rừng (PES) trên thế giới đã đưa ra một số cách thức sáng tạo bảo đảm mang lại lợi ích nhiều mặt trong quá trình phân bổ nguồn thu từ PES. Kinh nghiệm từ các dự án PES tại Nepal đã cho thấy các vấn đề xã hội đã được tích hợp vào cơ chế chi trả. Trong trường hợp này, quá trình chi trả cho dịch vụ carbon ở ba huyện thí điểm đã được chia thành hai giai đoạn. Đầu tiên là chi trả theo kết quả hoạt động cho cộng đồng trên cơ sở đo lường lượng carbon được hấp thụ thông qua các hoạt động theo dõi carbon có sự tham gia (PCM). Hình thức này chiếm 40% tổng mức chi trả cho việc thực hiện các hoạt động REDD+. Sau đó, 60% tổng mức chi trả còn lại được phân phối trên cơ sở tình hình kinh tế - xã hội của cộng đồng được xác định thông qua các cuộc thảo luận ở cấp cộng đồng. Trong trường hợp này, mức chi trả cao hơn sẽ dành cho các khu vực chịu thiệt thòi xét về góc độ xã hội. Dự án Oddar Meanchey tại Campuchia đã minh họa một trường hợp chia sẻ đa lợi ích được giải quyết thông qua thỏa thuận giữa các bên liên quan ở địa phương. Theo thỏa thuận này, 50% thu nhập ròng từ hoạt động REDD+ được đề xuất phân bổ trực tiếp cho các cộng đồng địa phương để khuyến khích cho những nỗ lực thực hiện các hoạt động REDD+. Ngoài ra, kinh nghiệm từ Costa Rica cho thấy chia sẻ đa lợi ích được giải quyết theo cách cân đối các chi trả trong nội bộ cộng đồng và do cộng đồng quyết định. Ví dụ, đối với nơi có giá trị dịch vụ sinh thái cao (tại các khu vực có dân cư bản địa sinh sống), PES đã được sửa đổi để khuyến khích người dân bản địa có quyền hưởng lợi từ PES, dù không có quyền sở hữu đất. Một ví dụ khác từ Lombok, Indonesia: các bên liên quan địa phương thống nhất chuyển khoản chi trả lợi ích PES vào quỹ quản lý rừng cộng đồng. Sau đó, các hộ gia đình có thể đăng ký sử dụng các khoản tài trợ nhỏ từ Quỹ để đầu tư vào các hoạt động sinh kế ở mức độ hộ gia đình. Trong trường hợp này, đa lợi ích được giải quyết thông qua việc chia sẻ lợi ích từ các hoạt động PES chuyển vào quỹ cộng đồng chung, sau đó bất cứ ai trong cộng đồng đều có quyền hưởng lợi dựa trên nhu cầu của họ. Các Quỹ cộng đồng tương tự đã được sử dụng trong các dự án PES và các dự án không liên quan đến PES trên toàn cầu. Ngoài ra, còn có các ví dụ khác về các quỹ cộng đồng được sử dụng như là một phương tiện hiệu quả để đạt được công bằng và hiệu quả về kinh tế và xã hội trong việc chia sẻ lợi ích. Một ví dụ từ chương trình Bolsa Floresta ở Brazil là lợi ích từ

Chương trình được chia sẻ thông qua các cơ chế quỹ cộng đồng². Những cơ chế này phân phối lợi ích cho các chủ thể trực tiếp và gián tiếp tham gia vào các hoạt động bảo vệ rừng thông qua các chương trình đầu tư cộng đồng, sau đó được hỗ trợ bổ sung bằng đầu tư của chính phủ. Việc xác định làm thế nào để sử dụng quỹ cho các hoạt động tạo thu nhập bền vững cho cộng đồng là do cộng đồng tự quyết định.

Một ví dụ khác về việc Quỹ cộng đồng có thể hỗ trợ như thế nào để đạt được đa lợi ích trong việc phân bổ nguồn thu từ các cơ chế lâm nghiệp cộng đồng ở Nepal. Tại đây, các nhóm cộng đồng sử dụng rừng (CFUG) được thành lập theo một số dự án quản lý rừng cộng đồng (CFM) đã triển khai thành công và nguồn thu từ kinh doanh gỗ rừng trồng được chuyển cho CFUG để xây dựng cơ sở hạ tầng của cộng đồng và thực hiện các dịch vụ bảo vệ, quản lý rừng³.

Các ví dụ khác về lồng ghép vấn đề công bằng vào các cơ chế chia sẻ lợi ích cũng được thể hiện trong các dự án quản lý rừng cộng đồng phối hợp với các doanh nghiệp nhà nước. Kế hoạch hợp tác về mặt xã hội giữa doanh nghiệp và cộng đồng được xây dựng để hỗ trợ những đối tượng kém may mắn và dễ bị tổn thương nhất của cộng đồng thông qua việc chia sẻ lợi ích. Trong trường hợp này, quỹ cộng đồng cũng được thành lập, trong đó một phần thu của doanh nghiệp được đầu tư cho quỹ. Quỹ này sau đó được sử dụng để tài trợ cho các dự án do cộng đồng đề xuất. Tuy nhiên, cơ chế quỹ như vậy phải được hỗ trợ bởi các phương pháp giám sát và báo cáo minh bạch, cũng như quy trình giải quyết khiếu nại độc lập để đảm bảo rằng các cơ cấu quyền lực trong các nhóm cộng đồng không dẫn đến các vấn đề như đặc quyền đặc lợi và cơ bản “làm sáng tỏ” hiệu quả lợi ích về nhiều mặt.

² <http://www.fas-amazonas.org/>

³ Subedi pers comm. (2011)



Để đảm bảo việc chia sẻ lợi ích đúng đối tượng cũng có thể được hỗ trợ thông qua quá trình xây dựng năng lực và tăng cường quyền lực cho chính quyền địa phương trong lập kế hoạch và quản lý REDD+. Chính quyền địa phương như các cơ quan lâm nghiệp, thường là một vài cơ quan chính phủ ở nông thôn, thường có kết nối chặt chẽ với cộng đồng và do đó có thể cung cấp thông tin từ cộng đồng. Điều này sẽ giúp mang lại đa lợi ích thông qua việc đảm bảo lợi ích phù hợp với mong muốn và nhu cầu của cộng đồng, và đảm bảo cộng đồng được tham gia quá trình ra quyết định về chia sẻ lợi ích công bằng. Khu vực tư nhân cũng có thể tham gia, ví dụ thông qua việc hỗ trợ tăng cường năng lực theo dõi, giám sát dự án và đào tạo kỹ thuật cho cán bộ chính quyền địa phương

1.2. Các yếu tố cân bằng đa lợi ích và các rủi ro

Điều quan trọng là để đạt được công bằng trong việc chia sẻ lợi ích, cần cân nhắc đảm bảo cân bằng giữa các yếu tố liên quan đến việc đảm bảo tính đa lợi ích, tính hiệu quả và hiệu suất hoạt động của bản thân hệ thống BDS.

Trước tiên, đảm bảo cân bằng giữa lợi ích và chi phí giao dịch (thời gian và tiền bạc) liên quan đến việc thực hiện chi trả. Đặc biệt, khi xác định tính toán lợi ích, có những chi phí liên quan cần được trừ đi từ nguồn trả cho các cộng đồng hoặc các yếu tố REDD+ khác. Việc bổ sung tiêu chí cho hệ số chi trả đòi hỏi phải có tiền để thẩm định, kiểm chứng, đo lường (thường do chính quyền địa phương thực hiện). Việc này sẽ làm tăng chi phí và do đó có thể làm giảm kinh phí dành cho các hoạt động khác.

Điều này đòi hỏi phải có các hệ thống hiệu quả để đo lường, kiểm tra và theo dõi các chi phí như vậy, để đảm bảo chi phí không tăng lên và không làm giảm lợi ích của các đối tượng hưởng lợi từ REDD+. Bất cứ nơi nào có thể, việc triển khai các hệ thống như vậy cần được kết hợp với hệ thống quản lý tài chính hiện tại. Một yếu tố thiết yếu của hệ thống quản lý tài chính là sự giám sát của bên thứ ba nhằm đảm bảo rằng các lợi ích REDD+ không chỉ đơn giản được lồng ghép vào các quá trình hoặc các chương trình khác mà còn không “được sử dụng” cho các đầu tư không liên quan. Những nỗ lực để lồng ghép vấn đề đa lợi ích vào BDS cũng có thể có hậu quả không mong muốn là loại trừ các đối tượng đáng lẽ nên được ưu tiên. Kinh nghiệm quốc tế đã cho thấy nỗ lực ưu tiên cho các chủ sử dụng đất nghèo hơn đôi khi có thể tạo ra một rào cản đối với sự tham gia của họ vào các hoạt động. Trong một số trường hợp, các chủ sử dụng đất sống khá xa khu vực phải quản lý bảo vệ nên rất khó có thể bảo vệ rừng, trong khi đó chưa có cơ chế khuyến khích những cộng đồng dân cư nghèo tại chỗ tham gia quản lý (thường là vùng sâu vùng xa). Đây là một vấn đề tồn tại trong khi thiết kế xây dựng BDS, nó nhấn mạnh một

thiếu sót tiềm ẩn của vấn đề đa lợi ích trong xây dựng BDS về những rủi ro mà việc ưu tiên, ưu đãi có thể mang lại. Ngoài ra còn có các rủi ro mà các nhà hoạch định chính sách cần phải chú ý để có thể kết hợp vấn đề đa lợi ích trong BDS. Ví dụ, việc phân biệt đối xử với các nhóm có hoàn cảnh khó khăn khác nhau trong xã hội có khả năng cách ly các nhóm này ra khỏi sự phát triển xã hội (thường là dân tộc thiểu số), và gây ra các xung đột cao độ (ví dụ, xung đột về giới tính). Trong trường hợp này, cần phải cân nhắc để cân bằng các tiêu chí trong bối cảnh địa phương. Một lần nữa, điều này chứng minh hiệu quả của việc các nhóm cộng đồng được tham gia vào quá trình ra quyết định. Một nguy cơ khác liên quan đến việc xác định đa lợi ích của BDS là cách lợi ích được chia sẻ và sử dụng. Các chủ thể tham gia quản lý BDS phải hiểu rõ ràng là bằng cách nào và tại sao vấn đề đa lợi ích được đưa vào cơ chế chi trả để tránh việc tính sai lợi ích hoặc tính sai trong phân bổ. Điều này cho thấy cần phải hết sức cẩn thận khi truyền đạt ý định thúc đẩy sự công bằng trong chia sẻ lợi ích, đặc biệt là đối với các cơ quan địa phương có trách nhiệm thực hiện và đo lường.

II. Đa lợi ích và BDS ở Việt Nam

Cơ chế chi trả cho các dịch vụ sinh thái rừng (PFES) đã đặt nền móng cho vấn đề đa lợi ích trong việc chia sẻ lợi ích từ việc cung cấp dịch vụ sinh thái ở Việt Nam. Với cơ chế này, theo Quyết định 380/QĐ-TTg ban hành ngày 10/4/2008 về việc chi trả dịch vụ môi trường rừng, việc chi trả cho các bên liên quan tích cực tham gia vào quản lý rừng cung cấp lợi ích trực tiếp cho các công ty đóng tại địa bàn hoặc ở hạ nguồn (như là các công ty thủy điện hoặc các nhà máy xử lý nước) được tiến hành.

Điểm đặc biệt trong cách tiếp cận PFES là đề xuất chi trả khác nhau qua các nhà cung cấp dịch vụ khác nhau (ví dụ: hộ gia đình, cộng đồng, và các đơn vị nhận khoán rừng) bằng cách tính toán hệ số chi trả - hệ số K. Hệ số K được tính dựa trên bốn biến số trong các dự án thí điểm PFES tại tỉnh Lâm Đồng và Sơn La:

1. Loại rừng
2. Nguồn gốc rừng
3. Chất lượng rừng
4. Mức độ khó khăn về quản lý

Như vậy, hệ số K được dựa trên các điều kiện môi trường và địa lý khác nhau, nó như một cơ chế thúc đẩy tính công bằng bằng cách khuyến khích những người tạo ra dịch vụ có chất lượng cao hơn trong các khu vực có giá trị sinh thái hơn. Hệ số K không tính đến bất cứ biến số xã hội nào.

Trong các thí điểm về hệ số K ở Lâm Đồng và Sơn La, người dân và cộng đồng địa phương không muốn mức chia sẻ lợi ích khác nhau và không thích ứng dụng hệ số K. Thay vào đó, có sự ưu tiên rõ ràng để thực hiện chi trả công bằng đối với tất cả mọi người trong cộng đồng. Mặc dù kinh nghiệm này cần được lưu ý trong việc tính toán lợi ích REDD+, sự khác biệt trong mức chi trả cho bảo tồn carbon là không thể tránh khỏi (xem bên dưới). Tuy nhiên, việc thí điểm hệ số R tại địa phương là cần thiết để xác định cách thức tốt nhất để hệ số R có thể được áp dụng.

Cần lưu ý rằng hệ số K là một công cụ để thúc đẩy công bằng, còn hệ số R thì không hoàn toàn như vậy. Hệ số R là một công cụ còn có thể thúc đẩy tính đa lợi ích. Lý do tại sao hai công cụ tương tự lại có vai trò khác nhau là do tính chất của các dịch vụ môi trường được PFES và REDD+ đưa ra. Đối với PFES, dịch vụ môi trường là chất lượng và số lượng nước (trong bối cảnh hệ số K đã được xây dựng). Các đơn vị của chi trả cho cung cấp dịch vụ là diện tích – rất nhiều tiền (VND) được chi trả theo hecta/năm – nhưng phải công nhận rằng một số loại rừng có giá trị hơn trong việc điều chỉnh số lượng và chất lượng nước, bởi vậy hệ số K cố gắng phản ánh những sự khác biệt này, nghĩa là càng nhiều tiền được chi trả theo diện tích rừng thì việc điều chỉnh số lượng và chất lượng nước càng có hiệu quả hơn là đối với các loại rừng kém hiệu quả - do đó, sẽ thúc đẩy công bằng. Theo REDD+, đối với chi trả dựa theo kết quả, không cần thiết phải có thêm một công cụ thúc đẩy công bằng. Như vậy, hệ số R nhằm mục đích cho các lợi ích rừng khác chứ không phải nhằm mục đích như hệ số K.

Vì sao chúng ta cần hệ số R?

Hệ số R là cần thiết để hỗ trợ cung cấp các đồng lợi ích về xã hội và môi trường thông qua REDD+. Hệ số R giúp điều chỉnh vấn đề chi trả, ưu tiên cho các cộng đồng khó khăn, những người sống trong hoặc gần những khu vực có giá trị bảo tồn cao và những người đang đóng góp vào việc tồn carbon trong những khu vực khó tiếp cận đòi hỏi nỗ lực hơn trong việc triển khai các hoạt động REDD+. Hệ số R được xây dựng trên cơ sở kinh nghiệm về hệ số K trong PFES và mở rộng phạm vi của chi trả với việc cân nhắc các khía cạnh về môi trường và xã hội. Việc tích hợp tính đa lợi ích đã giúp hệ số R có thể được xem như là một biện pháp đảm bảo an toàn

về mặt xã hội và môi trường cho Việt Nam và do đó có thể mang lại lợi ích xã hội và môi trường không carbon. Sự cần thiết phải xem xét các biện pháp đảm bảo an toàn xã hội và môi trường cho REDD+ đã được nhấn mạnh trong các thỏa thuận tại Hội nghị UNFCCC16 tại Cancun năm 2010.

Tuy nhiên, theo kinh nghiệm từ thí điểm PFES, ở những khu vực mà hệ số K thậm chí không thể áp dụng, có thể có câu hỏi nghi ngờ về khả năng tồn tại của một hệ số chi trả tương tự cho REDD+. Về vấn đề này, có thể khẳng định, không giống như hệ số K, hệ số R có thời gian được thử nghiệm và được điều chỉnh để thích hợp dần trước khi thực hiện chi trả. Để kết quả giảm phát thải hoặc hấp thụ các bon có thể được đo lường, báo cáo, kiểm chứng và hệ số R có thể được áp dụng để chi trả dựa trên kết quả hoạt động REDD+ phải mất vài năm. Điều này cho phép các bên liên quan, đặc biệt là chính quyền địa phương, có thời gian để hiểu và ứng dụng hệ số R một cách thích hợp. Đồng thời, sẽ có một khoảng thời gian cho việc kiểm tra hệ số R ở cả cấp nghiên cứu và ứng dụng tại địa phương trước khi được ứng dụng rộng rãi.

III. Xác định hệ số R cho các hoạt động phân phối lợi ích của REDD+ tại Việt Nam

Dựa vào kết quả nghiên cứu tài liệu, từ các tham vấn ở cấp quốc gia và địa phương đồng thời với những bài học kinh nghiệm từ các trường hợp tương tự tại nhiều quốc gia khác cũng như tại Việt Nam, hệ số R cho REDD+ BDS tại Việt Nam được xác định như sau:

$$R_i = R_{i1} \cdot R_{i2} \cdot R_{i3} \cdot R_{i4} \dots R_{in} \quad (1)$$

Từng R_i đại diện cho một yếu tố quan trọng góp phần vào tổng 'R' của hệ số R_i . Lợi ích từ hiệu quả của từng cá nhân thụ hưởng được tính như sau:

$$B_i = C_i \cdot R_i \cdot B_{C,R} \quad (2)$$

B_i (\$) đại diện cho lợi ích cuối cùng mà người thụ hưởng đạt được và C_i (tC) là mức độ giảm hoặc nâng cao từ các hoạt động loại bỏ phát thải mà người thực hiện đã đạt được. $B_{C,R}$ (\$/tC) là giá thành của một đơn vị carbon, được tính toán dựa trên sự kết hợp của lượng khí thải được giảm và hệ số R của tất cả những người được thụ hưởng kết hợp:

$$B_{C,R} = B_T / \Sigma(C_i \cdot R_i) \quad (3)$$

B_T biểu thị tổng số lợi ích có sẵn để phân phối (thu nhập từ các hoạt động thương mại trong thị trường carbon, từ những cắt giảm trong chi phí thực hiện và giao dịch và những lợi ích không

được thực hiện đã phân phối trước đó). Mức đánh giá này là cần thiết để tránh chi trả thừa hoặc thiếu. Ví dụ: nếu mỗi người thụ hưởng đều có $R_i = 1.1$, sự chi trả vượt mức 10% sẽ xảy ra.

Kết quả của việc đưa vào công thức này – hoặc đúng hơn là việc sử dụng hệ số R là việc tính toán $B_{C,R}$ nên được theo dõi ở cấp trung ương, nơi thu thập dữ liệu về việc thực hiện của những người thụ hưởng. Mặc dù vậy, điều này không nhất thiết là một vấn đề bởi B_T cũng sẽ cần được tính toán ở cấp quốc gia. Công thức này cũng không áp đặt các hạn chế trong hoạt động trong quản lý quá trình tính toán hệ số R cho những người thụ hưởng. Do đó, điều quan trọng là cần xác lập một hệ thống thu thập và xác minh dữ liệu và thông tin theo yêu cầu của việc tính toán hệ số R, liên quan đến tất cả các cấp, từ trung ương đến tỉnh, huyện và xã. Xã nên được chỉ định là đơn vị tổ chức cơ bản cho việc thu thập và phân phối dữ liệu và thông tin. Điều này là tương thích với hệ thống hành chính tại Việt Nam do cấp xã là đơn vị chính phủ nhỏ nhất có năng lực để duy trì hệ thống dữ liệu và thông tin trong một thời gian dài.

3.1. Đối tượng thụ hưởng theo hệ số R là ai??

Hệ số R có thể được dùng để tính thanh toán trực tiếp từ REDD+ tới những người thụ hưởng có quyền sở hữu rừng nhất định (cộng đồng địa phương, hộ gia đình, doanh nghiệp rừng...)

3.2. Những yếu tố được bao gồm trong hệ số R?

Trong việc xem xét các yếu tố được bao gồm trong hệ số R được dùng cho các thanh toán dựa trên hiệu quả hoạt động của REDD+, một sự cân bằng quan trọng giữa độ chính xác, toàn diện và thiết thực đã được đưa vào các quyết định. Cụ thể hơn, hệ số R có thể được thiết kế như một sự bao gồm các yếu tố có thể sử dụng như một thước đo cho các nghiên cứu về môi trường và xã hội. Tuy nhiên, để đạt được nhiều lợi ích khác nhau với độ chính xác cao hơn, hệ số có thể được tính toán khó khăn và tốn kém hơn.

Bảng dưới đây giới thiệu một số các yếu tố R có thể được xem xét để đưa vào hệ số R. Mỗi yếu tố được lựa chọn trên cơ sở đồng thời có liên quan đến đánh giá về an sinh xã hội hay giá trị sinh thái và có thể thực hành để đo lường và thực hiện bởi các cơ quan quốc gia.

Bảng 01: Các yếu tố được xem xét cho hệ số R của REDD+, Việt Nam

Yếu tố		Làm rõ tính đa lợi ích	Tiêu chuẩn và cơ sở pháp lý	Nguồn dữ liệu và thông tin
Kí hiệu	Tên			

R₁	Thu nhập	Chi trả thanh toán cao hơn cho các khu vực nghèo hơn, do đó, mang đến một yếu tố chia sẻ đa lợi ích chính xác hơn. Yếu tố xã hội này được bao gồm cho thấy REDD+ có thể đóng một vai trò quan trọng trong cung cấp một nguồn thu nhập bổ sung chính cho các hộ gia đình nghèo. Do đó, cung cấp các thanh toán cao hơn cho các hộ gia đình nghèo sẽ giúp các thanh toán của REDD+ trở nên hấp dẫn và có giá trị tới các hộ nghèo.	- Thu nhập bình quân/ năm - Hộ nghèo và cận nghèo được phân cấp trong Hướng dẫn số 1752/CT-TTg, ngày 21/9/2010	Dữ liệu thống kê hoặc các kết quả điều tra dân số
R₂	Dân tộc	Nhận thấy rằng một số dân tộc thiểu số có tỷ lệ bất lợi cao hơn và nên được nhân thanh toán cao hơn từ REDD+ để giúp đỡ họ vượt qua những bất lợi này.	- Dân tộc thiểu số và các nhóm dân tộc rất ít người. - Tuân thủ với các chính sách của chính phủ (ví dụ như Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, 14/1/2011)	Dữ liệu thống kê hoặc các kết quả điều tra dân số
R₃	Giới tính	Nhận thấy rằng mức độ bất lợi và khó khăn cao hơn thường đi liền với các hộ gia đình có số lượng lao động là phụ nữ chiếm số lượng lớn.	- Lao động nữ thường gặp nhiều bất lợi so với lao động nam. - Phù hợp với quan điểm và quan niệm chung của xã hội cũng như được khuyến khích từ các chính sách của chính phủ.	Dữ liệu thống kê hoặc các kết quả điều tra dân số
R₄	Đa dạng sinh học	Các thanh toán có giá trị cao hơn sẽ được thực hiện tới các khu vực nơi mà các lợi ích từ các hoạt động REDD+ trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần vào giá trị đa dạng sinh học cao hơn. Ba chỉ số có ý nghĩa đối với yếu tố này bao gồm khoảng cách từ khu vực rừng đặc dụng hoặc công viên quốc gia, nguồn gốc rừng (rừng tự nhiên hoặc rừng trồng), và loại chức năng của rừng (đặc dụng, bảo vệ,	- Sự đa dạng của các loài bản địa và hệ sinh thái rừng (ví dụ như các loại rừng) - Yếu tố này dựa trên Luật Đa dạng sinh học.	Bản đồ hiện trạng rừng

		sản xuất)		
R₅	Chất lượng rừng đầu nguồn	Tương tự như yếu tố “Đa dạng sinh học”, yếu tố này nhằm mục đích tăng thanh toán cho các làng bản có chất lượng rừng đầu nguồn cao hơn và các vùng đầu nguồn của lưu vực sông.	- Chất lượng rừng đầu nguồn cao hơn và các vùng đầu nguồn của lưu vực sông. - Yếu tố này là phù hợp với Quyết định số 61/2005/QĐ-BNN, ra ngày 12/10, 2005 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT	Bản đồ phân loại bảo vệ
R₆	Khả năng tiếp cận	Khả năng tiếp cận: Các nỗ lực khác nhau đối với các hoạt động quản lý rừng sẽ gặp phải trở ngại hơn. Ví dụ: nếu hộ gia đình được yêu cầu phải di chuyển một khoảng cách xa để tới khu vực rừng hoặc khu vực rừng nằm trên địa hình dốc, họ nên được đền bù thông qua một khoản thanh toán cao hơn so với những người phải di chuyển với khoảng cách ngắn hơn và làm việc tại các khu vực dễ dàng tiếp cận hơn.	Khoảng cách từ khu vực dân cư tới rừng của họ	- Bản đồ địa chính - Kết quả khảo sát (nếu có)
R₇	Tác động đối với nạn phá rừng và suy thoái rừng (tác động bảo vệ)	Mức độ khó khăn của yếu tố này nên được chú ý bởi các tác động bên ngoài tạo nên bởi các hoạt động của con người đòi hỏi những cố gắng cao hơn của lao động để bảo vệ rừng, ví dụ chặt rừng bất hợp pháp, cháy rừng, phá rừng làm nương rẫy,...	Mức độ của tác động tiêu cực	Ước tính bởi người dân và chính quyền địa phương chịu trách nhiệm

Như một ví dụ về đánh đổi giữa độ chính xác và thiết thực, trong các yếu tố của hệ số R, trên lý thuyết, yếu tố giá trị đa dạng sinh học có thể được xác định bằng rất nhiều cách bao gồm thành phần loài, phân loại môi trường sống, và sự có mặt của quần thể có nguy cơ bị tuyệt chủng hoặc loài đang bị đe dọa. Tuy nhiên trong thực tế, cách xác định như vậy sẽ rất tốn kém cả về thời gian và kinh phí để thực hiện.

3.3. Giá trị của từng yếu tố hợp thành hệ số R

Căn cứ vào công thức (1) để tính toán R_i và Bảng 1, hệ số R thí điểm có thể dựa theo mẫu sau đây:

$$R_i = R_{i1} \cdot R_{i2} \cdot R_{i3} \cdot R_{i4} \cdot R_{i5} \cdot R_{i6} \cdot R_{i7} \quad (4)$$

Với:

R_{i1} : yếu tố thu nhập, trong khoảng từ 0.95 đến 1.05

R_{i2} : yếu tố dân tộc, trong khoảng từ 0.95 đến 1.05

R_{i3} : yếu tố giới tính, trong khoảng từ 0.95 đến 1.05

R_{i4} : yếu tố đa dạng sinh học, trong khoảng từ 0.95 đến 1.05

R_{i5} : yếu tố đầu nguồn, trong khoảng từ 0.95 đến 1.05 R_{i6} : yếu tố khả năng tiếp cận, trong khoảng từ 0.80 đến 1.20 R_{i7} : yếu tố mức độ tác động, trong khoảng từ 0.80 đến 1.20

Phạm vi giá trị của từng R_i được phát triển dựa trên tư vấn từ các chuyên gia, các cuộc họp từ nhóm kỹ thuật và thảo luận trực tiếp với chính quyền địa phương, các bên liên quan và những người có kinh nghiệm. Nếu cần thiết phải loại bỏ một số yếu tố trong công thức (4), phạm vi quan trọng của từng yếu tố thành phần còn lại nên được tăng lên để duy trì sự khác biệt giữa giá trị tối thiểu và tối đa khoảng 2 lần.

Ba yếu tố đầu tiên có thể được gộp vào một nhóm gọi là R_s (xã hội), các yếu tố R_{i4} và R_{i5} tạo thành R_e (môi trường), và những yếu tố còn lại có thể tạo thành R_d (yếu tố về mức độ khó khăn). Các giá trị được đề xuất của từng yếu tố thành phần của hệ số R được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2. Mức quan trọng của từng yếu tố thành phần của hệ số R - R_i

Kí hiệu	Yếu tố	Mức quan trọng		
		Tối đa	Trung bình	Tối thiểu
Rs	R_1 : thu nhập	1.05 (ít hơn 4,800,000/năm)	1.00 (ít hơn 6,240,000/năm)	0.95 (các trường hợp khác)
	R_2 : dân tộc	1.05 (dân tộc thiểu số và	1.00 (dân tộc thiểu	0.95 (các trường

		dân tộc rất ít người)	số)	hợp khác)
	R ₃ : giới tính	1.05 (hộ gia đình có hơn 50% lao động chính là phụ nữ)	NA	0.95 (các trường hợp khác)
Re	R ₄ : đa dạng sinh học ⁴	1.05 (rừng hỗn hợp)	NA	0.95 (rừng thuần chủng)
	R ₅ : đầu nguồn	1.05 (lớp bảo vệ có vai trò rất quan trọng)	1.00 (lớp bảo vệ quan trọng)	0.95 (các trường hợp khác)
Rd	R ₆ : khả năng tiếp cận	1.20 (khu vực rừng có khoảng cách trung bình lớn hơn 10km tính từ khu vực dân cư hoặc rừng của lâm trường, tính từ khu vực làng xã gần nhất).	1.00 (khu vực rừng có khoảng cách trung bình từ 5 đến 10km tính từ khu vực dân cư hoặc rừng của lâm trường, tính từ khu vực làng xã gần nhất).	0.80 (các trường hợp khác)
	R ₇ : tác động bảo vệ	1.20 (trong khu vực ảnh hưởng nghiêm trọng ⁵)	1.00 (khu vực có ảnh hưởng ít nghiêm trọng hơn)	0.80 (các trường hợp khác)

Notes:

1. Thanh toán sẽ được dựa trên thỏa thuận hợp đồng với các bên liên quan. Nếu có thể, các thỏa thuận này sẽ được thực hiện với các nhóm của các bên liên quan để tránh những phức tạp hành chính khi phải giải quyết với số lượng lớn các hợp đồng cá nhân.
2. Nếu người thụ hưởng là một tổ chức, có thể sử dụng hộ gia đình/cá nhân được giao rừng như một đơn vị cơ bản để thanh toán; có nghĩa là 7 yếu tố thành phần của hệ số R được đề xuất như trên vẫn có thể được áp dụng. Tuy nhiên, sự lựa chọn đơn vị thanh toán nên phụ thuộc vào quyết định của địa phương, nơi chuẩn mực văn hóa cần được phản ánh. Trong nhiều trường hợp, có khả năng làng hoặc các tập thể khác sẽ được xác định là đơn vị mà các lợi ích sẽ hướng tới.

⁴ A more sophisticated index of biodiversity value will be developed

⁵ This assessment would be undertaken using a participatory approach, involving local authorities and stakeholders

3. Nếu người thụ hưởng là cộng đồng hoặc đơn vị hành chính, thanh toán nên được tính toán như sau:
 - Yếu tố thu nhập: tính toán mức thu nhập trung bình từ cộng đồng dựa vào thu nhập của từng cá nhân/hộ gia đình nằm trong cộng đồng đó (đơn vị cơ bản vẫn là cá nhân/hộ gia đình)
 - Yếu tố dân tộc: yếu tố này sẽ không gặp đối với trường hợp của cộng đồng nhưng có thể gặp trong trường hợp của đơn vị hành chính. Do vậy, yếu tố dân tộc có thể xác định dựa vào yếu tố dân tộc bình quân của tất cả các dân tộc thiểu số trong đơn vị đó.
 - Yếu tố giới tính: nên được tính toán tương tự như yếu tố dân tộc.
 - Các yếu tố khác: được xác định như đã đề cập trong Bảng 2.
4. Áp dụng hệ số R có thể được điều chỉnh để phù hợp với từng tình hình của địa phương. Nếu bất kì yếu tố nào không thể áp dụng hoặc không có liên quan, có thể áp dụng mức quan trọng của yếu tố đó bằng 1.00, có nghĩa là yếu tố đó sẽ không tác động đến độ lớn của hệ số R cuối cùng. Ví dụ, đối với huyện Di Linh, mức độ bảo vệ đầu nguồn là gần như đồng nhất, do đó, yếu tố này có thể được ấn định với giá trị bằng 1.00 cho mỗi người được hưởng lợi hoặc các bên liên quan.
5. Nếu yếu tố R6 (khả năng tiếp cận) và R7 (tác động của bảo vệ) khó có thể tách biệt trong một số trường hợp, có thể kết hợp 2 yếu tố này thành một yếu tố duy nhất R6 được gọi là “yếu tố khó khăn” hoặc “yếu tố nỗ lực”.
6. Hệ số R cấp tỉnh sẽ được sử dụng để xác định thị phần của tổng doanh thu của REDD+ phân bổ cho từng tỉnh. Do đó, các tỉnh nghèo hơn hoặc các tỉnh có giá trị đa dạng sinh học cao hơn sẽ được phân bổ nhiều hơn. Nguyên tắc tương tự có thể được áp dụng cho các cấp thấp hơn, chẳng hạn như phân bổ cho các huyện trong tỉnh. Giá trị của hệ số R cấp tỉnh sẽ được xác định thông qua một quá trình với sự tham gia của các cá nhân có liên quan.

3.4. Ví dụ minh họa:

Giả định rằng có một cộng đồng đã giảm phát thải 100 tấn carbon/năm bằng cách tham gia vào các hoạt động của REDD+. Trung bình, sau khi tách các chi phí giao dịch và quản lý có liên quan, cộng đồng nhận được mức giá 10 USD/tấn, do đó, họ sẽ thu được 1000 USD/năm. Tuy

nhiên, bởi có sự khác biệt trong các lợi ích khác nhau được cung cấp từ rừng, hệ số R được áp dụng để xác định các mức độ lợi ích.

Giả sử rằng các lợi ích được tính toán ở cấp độ hộ gia đình, chỉ có 3 hộ gia đình và các đặc điểm của từng gia đình được miêu tả như dưới đây, R_i (tổng của R_1, R_2, R_3) có thể được trình bày như trong bảng 3.

- Hộ gia đình 1 và 2 chỉ quản lý một loại rừng, trong khi hộ thứ 3 quản lý 2 loại rừng khác nhau (một loại sẽ giảm phát thải 20 tấn và loại còn lại sẽ giảm 40 tấn).
- Hộ gia đình 1 được xếp loại là hộ nghèo.
- Tất cả các hộ gia đình đều là người dân tộc thiểu số
- Hộ 1 có chủ gia đình là phụ nữ.
- Hộ gia đình 2 và 3 quản lý rừng có đa dạng sinh học cao (hộ 3 chỉ quản lý rừng loại 1)
- Khu vực rừng hộ 1 quản lý nằm ở khu vực đầu nguồn; rừng loại 2 là loại rừng đầu nguồn có chất lượng thấp.
- Rừng loại 2 có thể dễ dàng tiếp cận.
- Các yếu tố dẫn tới phá rừng và suy thoái rừng đối với rừng loại 2 có thể giải quyết tương đối đơn giản.

Bảng 3. Ví dụ minh họa cho tính toán hệ số R cho REDD+				
Yếu tố	Hộ gia đình			
	1	2	3	
Số tấn carbon/năm	20	20	20	40
Thu nhập	1.05	1	1	1
Dân tộc	1.05	1.05	1.05	1.05
Giới tính	1.05	0.95	0.95	0.95
Đa dạng sinh học	1	1.05	1.05	0.95
Rừng đầu nguồn	1.05	1	1	0.9
Khả năng tiếp cận	1.05	1.05	1.05	0.9
Tác động bảo vệ	1	1	1	0.8
Hệ số R	1.28	1.10	1.10	0.61
$C_i \cdot R_i$	20 · 1.28	20 · 1.10	20 · 1.10	40 · 0.61

$\Sigma(C_i \cdot R_i)$	94.078			
B_T	1000 (i.e. $10 \cdot 100$)			
$B_{C,R}$	10.6			
Tổng thanh toán cho từng hộ gia đình (USD)	271	234	234	261

Như đã minh họa trong Bảng 3, hệ số R có thể được áp dụng để dẫn đến sự khác biệt của tổng thanh toán cho từng hộ gia đình ngay cả khi họ có cùng một hiệu suất carbon (hộ gia đình số 1 và 2). Điều này phản ánh sự chiếm đoạt nhiều lần các lợi ích. Việc sử dụng hệ số R đảm bảo tính minh bạch trong các lợi ích từ REDD+, bằng cách giải thích rõ ràng các khác biệt trong các lợi ích.

IV. Các thảo luận về hệ số R

Các thảo luận về cơ cấu và cách tính toán hệ số R được tổ chức ở cấp Bộ và thông qua một hội thảo cấp tỉnh, một hội thảo cấp huyện và hai hội thảo cấp thôn tại Di Linh. Các kết quả chính của các hội thảo được tóm tắt như dưới đây:

4.1. Các kết quả

Các thảo luận và hội thảo khác nhau đã mang lại tổng cộng 58 ý kiến, có thể được mô tả như sau:

- 16 ý kiến tại các phường, ban, ngành cấp tỉnh tập trung vào các chính sách, cơ chế hoạt động chia sẻ lợi ích về các thuộc tính của hệ số R;
- 18 ý kiến tại cấp huyện tập trung vào giới tính và mức độ khế khấn;
- 24 ý kiến tại cấp xã và thôn tập trung vào giới tính, mức độ khế khấn và khoảng cách đến rừng.

a. Thảo luận về công thức để tính toán hệ số R: Việc tính toán các lợi ích từ REDD+ được chủ yếu dựa vào việc giảm lượng khí thải carbon theo thời gian. Do REDD+ sẽ không thể thành công nếu chi phí cơ hội để sử dụng đất thay thế cao, hệ số R chỉ có thể có liên quan đến các khu vực có tính khả thi với các can thiệp từ REDD+.

a1. Nhóm yếu tố R_s (R1, R2 và R3)

Đây là các yếu tố đã được xem xét thông qua rất nhiều chính sách xã hội khác nhau của quốc gia, tuy vậy, có rất nhiều phát triển và thay đổi theo thời gian, do đó, việc thực hiện thanh toán gặp phải rất nhiều thách thức. Một số ý kiến cho rằng việc áp dụng những yếu tố này là không thực tế do khó khăn trong tính toán và có thể dẫn đến kiện tụng và không nhất quán khi bồi thường cho một cộng đồng hoặc tổ chức. Mặt khác, một số ưu kiến nhận thấy rằng các yếu tố này có thể tìm thấy trong dữ liệu có sẵn của chính phủ, và không có trở ngại nào có thể có. Biên độ của từng yếu tố có thể chấp nhận được trong khoảng 0.95-1,05 (chia thành ba mức độ; 1.05; 1; 0.95).

R1 (thu nhập): những người tham gia không tập trung nhiều vào yếu tố này do chính sách trong việc giao khoán bảo vệ rừng đã có ưu tiên cho các hộ gia đình nghèo hoặc cần nghèo thiếu đất sản xuất. Những ý kiến được thảo luận ở mức độ thôn bản đã cho thấy yếu tố này là phù hợp và nhất quán với các chính sách hiện có.

R2 (dân tộc): yếu tố này là rõ ràng, do đó không nhận được nhiều ý kiến về yếu tố này.

R3 (giới tính): tạo ra rất nhiều tranh luận: một số ý kiến lập luận rằng phụ nữ có thể là chủ rừng và là lao động chính trong gia đình; trong khi một số ý kiến cho rằng yếu tố này sẽ rất phức tạp để quản lý do văn hóa của hầu hết các dân tộc thiểu số là mẫu hệ, tuy nhiên người đàn ông lại là người đại diện cho hộ gia đình để đăng kí và ký kết các hợp đồng. Một số ý kiến cũng đề ra rằng người đàn ông đóng một vai trò tương đối quan trọng trong hoạt động tuần tra bảo vệ rừng do các khu vực rừng được kí hợp đồng với hộ gia đình thường cách xa khu vực họ sinh sống (10km trở lên). Do đó, phụ nữ gặp phải khó khăn trong việc trực tiếp tham gia vào bảo vệ rừng. Tại các thôn bản nơi các cuộc thảo luận được tổ chức, chỉ số ít chủ gia đình là phụ nữ kí hợp đồng bảo vệ rừng. Với các lí do trên, một số ý kiến cho rằng yếu tố này có thể bỏ qua hoặc có giá trị bằng 1. Ngoài ra, một vấn đề phát sinh là yếu tố giới tính có thể dẫn đến sự sai lệch về chủ gia đình. Tuy nhiên, có một số ý kiến khác cho rằng là cần thiết để ưu tiên cho phụ nữ, đặc biệt là với gia đình không có nam giới để góp phần vào cân bằng giới tính. Với các trường hợp



này, phụ nữ cũng phải tham gia vào công tác tuần tra bảo vệ rừng. Do đó, giá trị của R3 có thể tăng lên 1.10.

a2. Nhóm yếu tố R_e (R3 - R4 - R5)

R4 (đa dạng sinh học): Một đề nghị là cần có sự phân biệt giữa rừng đặc dụng, rừng phòng hộ tự nhiên và rừng sản xuất. Một số ý kiến coi điều này không hợp lý và đề xuất rằng thay vào đó, giá trị cần được dựa vào tình trạng rừng như rừng giàu, rừng trung bình và rừng nghèo. Một số ý kiến cho rằng đa dạng sinh học đồng thời phụ thuộc vào sự hiện diện của hệ thực vật và động vật cụ thể, đặc biệt là các loài quý hiếm. Yếu tố đa dạng sinh học không nên được đưa vào tính toán nếu gặp khó khăn trong thu thập thông tin về yếu tố này. Một số người dân tại địa phương đồng ý rằng đa dạng sinh học nên dựa trên chức năng của rừng, bao gồm rừng phòng hộ và rừng sản xuất - hai loại rừng có tại Di Linh. Mặt khác, một số ý kiến cho rằng rừng lá rộng, rừng thuần chủng và rừng hỗn hợp nên là cơ sở để quyết định mức độ đa dạng sinh học. Hầu hết những người tham gia đồng ý rằng tính toán một chỉ số dễ hiểu cho đa dạng sinh học là khó khăn. Sự hiểu biết về đa dạng sinh học giữa các bên liên quan là rất ít. Mặc dù việc sử dụng các loại rừng (rừng hỗn hợp và rừng thuần chủng) là một chỉ số rất nhỏ trong giá trị đa dạng sinh học, nó có thể được sử dụng trong khi chờ phát triển một chỉ số tốt hơn. Hầu hết các thành viên tham gia thừa nhận rằng rừng hỗn hợp có giá trị đa dạng sinh học cao hơn so với rừng nguyên chất.

R5 (đầu nguồn). Các ý kiến đều nhất trí rằng là rất khó khăn để xác định rõ ràng giá trị rừng. Do đó, các ý kiến cho rằng yếu tố đầu nguồn không nên được đưa vào bởi yếu tố này đã được đưa vào tính toán cho các thanh toán chi trả dịch vụ môi trường rừng, và yếu tố R6 bao gồm cả độ dốc và khoảng cách chỉ ra vấn đề tương tự. Tại Di Linh, vùng lưu vực gần như đều thuộc vùng đầu nguồn, do đó có giá trị không đổi. Hầu hết các hộ gia đình kí kết các hợp đồng bảo vệ rừng đều không nhận thức được sự khác biệt trong phân loại rừng. Nông dân tại địa phương cho biết các công ty lâm nghiệp chỉ giao cho họ rừng tự nhiên ở các vùng sâu vùng xa thay vì rừng trồng tại các địa điểm gần đó. Do đó, họ không có nhiều hiểu biết về sự liên quan của rừng đầu nguồn. Hầu hết các ý kiến đồng ý rằng giá trị cao nhất nên được ấn định với rừng phòng hộ có vai trò vô cùng quan trọng, giá trị trung bình đối với rừng phòng hộ quan trọng, và giá trị nhỏ nhất cho rừng sản xuất.

a3. Nhóm các yếu tố R_a (R6, R7)

Các yếu tố trên đã tạo ra một sự quan tâm và các thảo luận quan trọng bởi chúng có ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả bảo vệ rừng, những nỗ lực bảo vệ rừng, và số lượng lao động cần thiết để tạo ra các lợi ích carbon. Các ý kiến đã thống nhất rằng với sự quan trọng của nhóm yếu tố này, giá trị có thể dao động trong khoảng 0.90 tới 1.1 hoặc có thể cao hơn. Nguy cơ cháy rừng cũng cần được xem xét trong hệ số R_d .

R6 (khoảng cách tới rừng) là một mối quan tâm của tất cả những người tham gia tại địa phương. Tuy nhiên, có khá nhiều tranh cãi trong việc thiết lập các giá trị giới hạn cho các giá trị khác nhau do một số hộ gia đình tại xã Bảo Thuận có các hợp đồng bảo vệ rừng cho các khu vực rừng cách xa 30-50 km, gần với ranh giới tỉnh Bình Thuận, cần 1 ngày để di chuyển từ nhà. Không ngạc nhiên, các hộ gia đình này không đồng ý rằng họ sẽ được giao giá trị giống như các hộ gia đình có khu vực rừng gần hơn. Do đó, các khuyến nghị chỉ ra rằng cần tính toán giá trị của hệ số dựa trên các hạng khác nhau, ví dụ như 10 - 20 km, 20 - 30 km và >30km. Ngoài ra, khoảng cách từ trung tâm xã tới khu vực rừng được giao là không phù hợp, sẽ thích hợp hơn nếu khoảng cách thực tế được tính bắt đầu từ vị trí gia đình họ. Một ý kiến khác được nêu ra là người dân thường đi theo nhóm để bảo vệ rừng, do đó, giá trị theo khoảng cách được tính toán khó khăn hơn. Ý kiến chung là giá trị nên nằm trong khoảng 0.90 đến 1.10 hoặc có thể rộng hơn.

- Đối với R7 (áp lực vào rừng), rất nhiều người tham gia quan tâm đến yếu tố này do sự tác động của đường xá và các khu định cư. Thêm vào đó, một số ý kiến cho rằng giá trị của R7 nên được xác định trên cơ sở khu vực.

Các ý kiến bổ sung

Tiếp tục các cuộc thảo luận trên, công thức trên được đề nghị cần đơn giản hóa; bằng cách giữ lại chỉ ba yếu tố R4 (đa dạng sinh học), R6 (khoảng cách), and R7 (áp lực). Trong rất nhiều trường hợp, phạm vi các yếu tố xã hội được đề xuất nên hẹp hơn so với các yếu tố tác động; và đó là trường hợp của đồng bào các dân tộc thiểu số; những người có chỉ tiêu văn hóa dựa vào các quyền lợi chung, lợi ích nên được chia đều cho tất cả những người tham gia.

b. Tóm tắt các thảo luận về chia sẻ lợi ích của REDD+

các bên liên quan lập luận rằng các hộ gia đình được giao rừng để bảo vệ nên được thanh toán số tiền cao hơn, và phần còn lại của thanh toán có thể được chia đều cho các hộ gia đình khác trong cộng đồng. Tuy nhiên, quá trình giao khoán các hợp đồng bảo vệ rừng đã xuất hiện tham nhũng, do đó phương pháp tiếp cận như vậy sẽ làm gia tăng các hành vi tham nhũng hiện tồn tại. would entrench existing corrupt practices. Một số ý kiến cho rằng tất cả các hộ gia đình nhận bảo vệ rừng nên được thanh toán bằng tiền mặt và phần còn lại cho cộng đồng có thể được thanh toán bằng cách đầu tư vào cơ sở hạ tầng công cộng hoặc phúc lợi công cộng. Một lần nữa, điều này có thể củng cố những hoạt động tham nhũng trước đây trong quá trình giao các hợp đồng, và đồng nghĩa rằng những hộ gia đình có hợp đồng bảo vệ rừng có thể nhận được 2 loại lợi ích (tiền mặt và đầu tư xã hội).

Đối với các đối tượng hưởng lợi như các công ty lâm nghiệp, tiêu chuẩn xã hội nên được chỉ định với hệ số là 1. Tuy nhiên, một số ý kiến lưu ý rằng một số tổ chức vẫn liên lạc với các hộ gia đình về bảo vệ rừng và do đó, các thay đổi trong đặc thù của các hộ gia đình vẫn có thể được sử dụng như một đơn vị cơ bản để tính toán các thanh toán cho các tổ chức như trên.

Một số ý kiến đề nghị rằng thanh toán nên được thực thi trên toàn bộ cộng đồng và sau đó số tiền này sẽ được chia đều cho các hộ gia đình, bởi nếu điều này không được thực hiện, các vấn đề có thể phát sinh giữa các hộ gia đình dự kiến hợp tác trong bảo vệ rừng. Mặt khác, nếu thanh toán được chia đều, mỗi hộ gia đình sẽ chỉ được nhận rất ít tiền và do đó, họ sẽ không có khả năng đầu tư vào các hoạt động của REDD+. Vì vậy, một giải pháp thỏa hiệp có thể được dùng để thanh toán trực tiếp tới các hộ gia đình có hợp đồng và đầu tư phần còn lại vào cộng đồng làng bản. Làng bản có thể lập ra một quỹ và tất cả các khoản chi phí phải được thảo luận để xác định một mục tiêu rõ ràng và sử dụng quỹ trên cơ sở đồng thuận giữa tất cả thành viên trong cộng đồng. Ngoài ra, có ý kiến cho rằng việc trích ra và sử dụng các quỹ công cộng nên được thảo luận với chính quyền địa phương và các tổ chức làng xã và thôn bản để xác định cách sử dụng quỹ hợp lý nhất và để xây dựng đồng thuận giữa các bên liên quan.

Một số ý kiến đề nghị rằng các kế hoạch thực hiện REDD+ nên được dựa vào việc phân bổ đất rừng trên các khu vực bình đẳng như nhau với mục đích thúc đẩy công bằng giữa các hộ gia đình và tối đa hóa số lượng các gia đình tham gia.

Đại đa số ý kiến đồng ý với thanh toán trực tiếp tới các hộ gia đình có hợp đồng, khấu trừ lại một phần cho các lợi ích chung. Một số ý kiến đề xuất rằng các tổ chức đoàn thể, đơn vị và cơ quan quản lý rừng nên được thanh toán bởi những tổ chức này thường ủng hộ các tổ chức khác và người dân địa phương bảo vệ rừng.

Một số ý kiến khác đề nghị rằng nên có các chính sách bảo hiểm cho các hộ gia đình có hợp đồng trong trường hợp họ gặp phải tai nạn khi tuần tra rừng, hoặc bị những người thực hiện các hành vi bất hợp pháp làm bị thương; và họ nên được cung cấp các thiết bị cần thiết khi tuần tra rừng.

4.2. Các kết quả về khảo sát và phỏng vấn của các cá nhân và tổ chức trong việc áp dụng hệ số R trong hệ thống phân phối lợi ích của REDD+

Các khảo sát và phỏng vấn được tiến hành xung quanh việc sử dụng phương pháp tính toán thanh toán của REDD+ bằng hệ số R như đã đề xuất. Các nhóm tham gia như sau:

- 20 trả lời từ các phòng ban cấp tỉnh;
- 18 trả lời từ các phòng ban, đoàn thể và chủ rừng tại huyện Di Linh;
- 59 trả lời đại diện cho các dân tộc thiểu số và hộ gia đình có hoặc không có hợp đồng bảo vệ rừng.

Tổng số câu hỏi là 97 câu, và các câu trả lời có các đặc điểm sau (tổng số câu trả lời vượt quá 97 câu do có những chồng chéo trong các mục);

Nam giới: 85 người; nữ giới: 12 người;

Dân tộc thiểu số: 45 người;

Các tổ chức nhà nước: 25 người;

Công đoàn: 3 người;

Hộ gia đình: 59 người.

Đối với nhóm các yếu tố xã hội (Rs), đã có sự đồng thuận trong tất cả các yếu tố ngoại trừ giới tính. Một số người nghĩ rằng yếu tố giới tính là không cần thiết hoặc nếu cần giữ lại, chỉ nên chỉ định với hệ số là 1 (một số dân tộc thiểu số trả lời rằng mặc dù xã hội của họ theo chế độ mẫu hệ, đàn ông vẫn là trụ cột của gia đình). Tuy nhiên, quan sát này vẫn cần được thảo luận thêm trong quan điểm về số lượng áp đảo của nam giới (85 người) so với số lượng nữ giới (12 người) tham gia vào khảo sát, điều này xảy ra một phần là do nam giới làm việc trong các tổ chức cấp

tinh và cấp huyện có số lượng lớn hơn so với nữ giới. Các thảo luận trong tương lai sẽ cố gắng thu hút một sự cân bằng giới tính hơn để tạo ra các kết quả có ý nghĩa hơn xung quanh việc tham gia của yếu tố giới tính trong tính toán hệ số.

Đối với nhóm các yếu tố môi trường (Re), có rất nhiều ý kiến về việc các hộ gia đình nắm giữ các hợp đồng bảo vệ rừng không có ý kiến hoặc thỏa thuận về khối lượng đề xuất.

Nhóm các yếu tố tác động (Rd) được thảo luận nhiều hơn. Một số ý kiến đề xuất rằng hai yếu tố này cần được kết hợp vào làm một. Một số ý kiến từ các hộ gia đình đang giữ các hợp đồng bảo vệ rừng cho rằng các áp lực dẫn tới nạn phá rừng, chặt phá trái phép và lấn chiếm rừng nên được coi trọng hơn là yếu tố khoảng cách. Các ý kiến khác đồng ý với các yếu tố kể trên, nhưng họ đề nghị rằng chỉ số R7 (áp lực lên tài nguyên) cần cao hơn chỉ số R6 (khoảng cách).

Một số ý kiến đồng ý với các thanh toán trực tiếp tới các hộ gia đình nắm giữ các hợp đồng bảo vệ rừng. Tuy nhiên, một số nhóm dân tộc thiểu số địa phương đề nghị rằng thanh toán nên được chia đều giữa các hộ gia đình chịu trách nhiệm bảo vệ rừng. Bên cạnh đó, các bên cũng thỏa thuận rằng một số tiền từ quỹ nên được khấu trừ để đầu tư vào các phúc lợi công cộng tại các cộng đồng địa phương.

Các ý kiến khác:

Một loạt các ý kiến khác được thu thập thông qua khảo sát và quá trình phỏng vấn từ một phạm vi đa dạng các ý kiến được thể hiện về phân phối lợi ích. Một số ý kiến bổ sung quan trọng được tóm tắt như sau:

- Dựa trên cơ chế REDD+, là rất khó khăn để đạt được sự đồng thuận bởi sự phức tạp của khái niệm; REDD+ cần học hỏi từ các kinh nghiệm trong thanh toán các dịch vụ môi trường rừng (PFES);
- Là tốt hơn để cung cấp nhiều cơ sở khoa học hơn để chứng minh cho các khác nhau về giá trị của từng yếu tố và phạm vi (1.05 tới 0.95 hoặc 1.10 tới 0.90). một số ý kiến khác cho rằng hệ số nên được chia thành 3 cấp độ: 1, 0.9 and 0.8 để đơn giản hóa việc tính toán. Tuy nhiên, hệ số R đã được thiết kế đặc biệt như một giá trị trung bình bằng 1, do đó, nó có thể được chỉ định không có ảnh hưởng đến giá trị của hệ số R tổng thể.
- Bên cạnh yếu tố khoảng cách, giá trị cho yếu tố tiếp cận nên xem xét đến độ cao và độ dốc của khu vực;

- Có 3 cách để cân đối lợi ích như sau: 50% cho cộng đồng và 50% cho các hộ gia đình giữ các hợp đồng; 30% cho cộng đồng và 70% cho các hộ gia đình giữ các hợp đồng; hoặc 20% cho cộng đồng và 80% cho các hộ gia đình giữ các hợp đồng. Ngoài ra, các thanh toán nên được khấu trừ một phần để đầu tư vào phúc lợi công cộng cho cộng đồng địa phương;
- Thanh toán nên được công bằng và trả theo từng quý;
- Là cần thiết để có một số chính sách hỗ trợ các hộ nghèo giữ các hợp đồng bởi thanh toán cho bảo vệ rừng không mang lại thu nhập đầy đủ cho họ;
- Nên có các chương trình nâng cao nhận thức để tuyên truyền kiến thức về REDD+ tới tất cả các hộ gia đình có liên quan và tất cả các cộng đồng sống gần rừng;
- Chặt chẽ hơn trong việc thi hành các pháp luật bảo vệ và phát triển rừng là cần thiết.

4.3. Áp dụng hệ số R tại huyện Di Linh

Các ý kiến phản hồi từ các khảo sát và phỏng vấn đồng ý rằng việc áp dụng một hệ số R duy nhất cho toàn huyện Di Linh là không phù hợp. Hệ số R cần được áp dụng ở quy mô nhỏ hơn (ví dụ như các công ty lâm nghiệp). Công ty TNHH lâm nghiệp Di Linh được lựa chọn để thí điểm hình thức tính toán thanh toán này. Đây là một doanh nghiệp nhà nước đáp ứng mọi yêu cầu về quản lý tài nguyên rừng và nhân lực cho các hoạt động sản xuất lâm nghiệp. Doanh nghiệp này đã được nhà nước giao vai trò quản lý rừng, do đó, là chủ sở hữu rừng có hiệu quả. Tuy nhiên, một số hộ gia đình cá nhân đã kí hợp đồng quản lý rừng. Do đó, lợi ích của REDD+ có thể đổ vào công ty quản lý rừng, và các hộ gia đình có hợp đồng bảo vệ rừng hoặc tới các đơn vị khác như làng xã, theo quyết định của các bên liên quan tại địa phương.

4.4. Trách nhiệm và phối hợp trong quá trình tính toán hệ số R

Mặc dù một quá trình có sự tham gia đã được thiết lập với các yếu tố liên quan và cách để xác định giá trị của từng yếu tố đã được tiến hành, việc tính toán thực tế nên được thực hiện bởi một bên thứ 3 để tránh hệ số R cao bất hợp lý.

Trong thực tế, việc tính toán hệ số R yêu cầu dữ liệu và thông tin về từng hộ gia đình cung cấp bởi các cơ quan hoặc chủ rừng địa phương. Do đó, các cuộc hội thảo phát triển đồng thuận trong phân công trách nhiệm và phối hợp cho những dữ liệu kể trên như sau:

Yếu tố R1:

- Trách nhiệm: các chủ rừng;
- Phối hợp: Ủy ban nhân dân xã (bao gồm cả các đoàn thể), phòng lao động thương binh và xã hội, và đại diện các làng bản.

Yếu tố R2:

- Trách nhiệm: các chủ rừng;
- Phối hợp: ủy ban nhân dân xã, phòng dân tộc và các trưởng thôn.

Yếu tố R3:

- Trách nhiệm: các chủ rừng;
- Phối hợp: Ủy ban nhân dân xã, hội phụ nữ tại các xã và các làng bản.

Yếu tố R4:

- Trách nhiệm: các chủ rừng;
- Phối hợp: Phòng Lâm nghiệp huyện, Phòng kiểm lâm cấp huyện và những người được phỏng vấn tại địa phương.

Yếu tố R5:

- Trách nhiệm: các chủ rừng;
- Phối hợp: Phòng Lâm nghiệp huyện, Phòng kiểm lâm cấp huyện.

Yếu tố R6:

- Trách nhiệm: các chủ rừng;

- Phối hợp: ủy ban nhân dân xã, thảo luận theo nhóm với các hộ gia đình đang nắm giữ các hợp đồng bảo vệ rừng.

Yếu tố R7:

- Trách nhiệm: các chủ rừng;
- Phối hợp: ủy ban nhân dân xã, thảo luận theo nhóm với các hộ gia đình đang nắm giữ các hợp đồng bảo vệ rừng.

4.5. Tính toán khả năng và áp dụng hệ số R cho các thanh toán của REDD+ tại Di Linh

a. Nguồn dữ liệu

Tất cả các dữ liệu dùng để thanh toán các yếu tố nằm rải rác giữa các cấp tỉnh, huyện, xã và thôn. Để thu thập được những dữ liệu này, thời gian và các đóng góp từ tất cả các phòng ban đều được yêu cầu. Tất cả phải được thực hiện dưới sự giám sát của Phòng nông nghiệp và các Ủy ban nhân dân huyện. Thu thập dữ liệu nên được thực hiện với tư vấn hoặc hướng dẫn của Tổng cục Thống kê.

b. Xác minh, thống kê và điều chỉnh các dữ liệu đã được thu thập

Các dữ liệu liên quan đến giao rừng và các hợp đồng về rừng tại vùng Di Linh nên được cập nhật và xác minh. Ví dụ:

- Kiểm tra tài nguyên rừng tại các vùng được biết đến là đã trải qua các thay đổi lớn trong các hình thức sử dụng rừng hoặc từ nạn phá rừng và suy thoái rừng;
- Xem xét và xác định danh sách các hộ gia đình và cộng đồng đã ký hợp đồng quản lý và bảo vệ đất rừng;
- Xem xét lại các tổ chức và doanh nghiệp lâm nghiệp được giao hoặc cho thuê rừng;

- Tổ chức các hội nghị/hội thảo để xác định các hình thức thanh toán cho các hoạt động được chi trả.

c. Cung cấp số lượng carbon hấp thụ của rừng

Cần lưu ý rằng, trong khi số lượng carbon hấp thụ hoặc lượng khí thải giảm là cơ sở cho việc thanh toán về mặt lý thuyết, việc đo lường số lượng này ở một quy mô có sự tham gia của các bên liên quan là rất tốn kém. Do đó, thanh toán có khả năng sẽ được dựa trên đầu vào, thay vì dựa trên lượng khí thải giảm hoặc thay đổi trong trữ lượng carbon. Tuy nhiên, đây là một chức năng của hệ thống MRV, không phải của BDS. Vai trò của những người thụ hưởng ở địa phương sẽ liên quan đến việc giám sát đầu vào.

d. Giáo dục và đào tạo

Chủ rừng là các đối tượng hoạt động chính để cung cấp dữ liệu và thông tin cần thiết để tính toán hệ số R. Do đó, họ cần được đào tạo về thu thập dữ liệu, chia sẻ và duy trì dữ liệu và quản lý hệ thống dữ liệu. Một cơ sở dữ liệu có thể cần được thiết lập và một văn phòng quản lý dữ liệu cần được mở ra, mặc dù điều này còn phụ thuộc vào cách thiết kế và tính toán hệ số R ở cấp trung ương. Chính quyền cấp xã có thể thiết lập cơ sở dữ liệu riêng (nếu muốn), nhưng họ sẽ có trách nhiệm báo cáo dữ liệu tới cơ quan quản lý dữ liệu trung ương. Do đó, là quan trọng để xây dựng năng lực cho các tổ chức cấp xã để họ có thể tiến hành những công việc như trên.

4.6. Những thuận lợi và thách thức trong quá trình thanh toán lợi ích từ REDD+ dựa trên hệ số R tại Di Linh

1. Thuận lợi

- Nhìn chung, có hỗ trợ chung từ các bên liên quan, bao gồm chính quyền cấp trung ương và địa phương;
- Đại đa số người dân đều mong đợi chương trình có thể sớm triển khai thanh toán thí điểm tại địa phương; hầu hết những người được phỏng vấn đều đồng ý với các tính toán về các yếu tố của hệ số R;

- Việc phân bổ/phân công bảo vệ rừng cho các hộ gia đình và các cá nhân được thực hiện vào năm 1996 và có liên quan đến sử dụng hệ thống dữ liệu có sẵn. Do đó, đây là một nền tảng có giá trị để tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các khoản thanh toán từ REDD+ cho những người thực hiện bảo vệ rừng.

2. Thách thức

- Một số hộ gia đình có hợp đồng bảo vệ rừng cho rằng hệ số R nên được chủ yếu dựa trên khoảng cách tới rừng hoặc mức độ áp lực lên rừng, trong khi các yếu tố khác như đầu nguồn, đa dạng sinh học (rừng hỗn hợp, rừng thuần chủng), nguồn gốc của rừng (rừng tự nhiên hoặc rừng trồng) không được nắm rõ.
- Là cần thiết để xem xét và xây dựng lại các bản đồ. Các hoạt động này có thể tốn thời gian và công sức hơn.
- Hệ số R cần phải được đơn giản hóa, phát triển bởi sự đồng thuận của các bên liên quan, và dễ dàng thực hiện.
- Việc đánh giá tài nguyên rừng và đo lường trữ lượng carbon rừng là khó khăn, tốn kém và mất nhiều thời gian để thực hiện; do đó, những thách thức lớn nhất là nguồn nhân lực và tài chính;
- Các cơ chế của PFES ở cấp quốc gia đã được thí điểm và hiện đã được yêu cầu theo nghị định của chính phủ, trong khi đó REDD+ vẫn đang trong quá trình đàm phán. Rất nhiều người không tin rằng REDD+ sẽ được thực hiện. Do đó, chương trình quốc gia REDD+ nên thúc đẩy phổ biến cho cán bộ, người dân, cộng đồng và các hộ gia đình sinh sống gần các khu vực rừng hiểu được các lợi ích họ sẽ được mang lại trong tương lai;
- Đối với các dân tộc thiểu số tham gia bằng cách tiếp cận cộng đồng để bảo vệ rừng, các mức độ thanh toán khác nhau giữa các hộ gia đình trong cùng một làng xã có thể tạo ra các bất đồng;
- Sự thành công của việc bảo vệ rừng không chỉ phụ thuộc vào tuần tra thường xuyên của các hộ gia đình và cộng đồng mà còn phụ thuộc vào việc thực thi pháp luật hiệu quả để xử lý các trường hợp vi phạm. Các hình thức xử lý vi phạm phải được thiết lập rõ ràng và áp dụng

ng nghiêm ngặt để xử phạt những người vi phạm pháp luật về rừng. Ngoài ra, cần tăng cường bảo vệ cho các hộ gia đình/cá nhân tố cáo các hành vi vi phạm luật bảo vệ rừng.

- Là cần thiết để người dân địa phương hiểu rằng REDD+ rất có tương lai, phụ thuộc vào quản lý tốt hơn từ các cơ quan và chính quyền địa phương có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất, cải thiện năng suất nông nghiệp và tăng thu nhập gia đình. Những khía cạnh này cần được tiếp tục nghiên cứu để tạo nên một hình ảnh rõ hơn về các họa động cần thiết cho một chiến lược hiệu quả lâu dài.

4.7. Đề xuất cho các bước tiếp theo

- Các áp dụng ban đầu của các hệ số R nên được đơn giản hóa. Sẽ tốt hơn nếu tiếp tục tiến hành các nghiên cứu về điều chỉnh và cải thiện hệ số R trung và dài hạn.
- Các lợi ích nên được kết hợp giữa các lợi ích trực tiếp và gián tiếp.
- Cần chuẩn bị các văn bản pháp luật của chính phủ để hỗ trợ các tỉnh thành trong thí điểm thanh toán theo REDD+.
- Thiết kế các cơ chế tài chính để tránh những chậm trễ trong việc thực hiện REDD+.
- Tiến hành thí điểm về thanh toán thực tế cho REDD+ bằng cách sử dụng hệ số R tại huyện Di Linh là rất quan trọng trong (ví dụ: một xã thí điểm hoặc chủ rừng thí điểm như Công ty TNHH Lâm nghiệp Di Linh) Ngoài ra, phương pháp đề xuất cho việc tính toán hệ số R nên được thí điểm tại các huyện khác trong tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh thành khác trong cả nước.

Tài liệu tham khảo

FAO (2005) “*Community-based commercial enterprise development for the conservation of biodiversity in Bwindi World Heritage Site, Uganda*”. Forest Policy and Institutions Service (FONP) Forestry Department.

Grieg-Gran, M., I. Porras and S. Wunder (2005) “*How can market mechanisms for forest environmental services help the poor? Preliminary lessons from Latin America*”. World Development 33(9): 1511-1527.



Karky, B. S. (2006) “*Kafley Community Forest, Lamatar, Nepal. In: Murdiyaros, Daniel and Margaret Skutsch eds. Community Forest Management as a Carbon Mitigation Option: Case studies*”. Center for International Forestry Research.

Lindhjem, H., Aronsen, I., Bråten, K. and Gleinsvik, A (2011) “*Experience with Benefit Sharing: Issues and Options for REDD+, for the IUCN*”.

Peskett, L., Huberman, D., Bowen-Jones, E., Edwards. and Brown, J. (2008) “*Making REDD Work for the Poor, Prepared on behalf of the Poverty Environment Partnership (PEP)*”.

Skutsch, M., Vickers, B., Georgiadou, Y. and McCall, M. (2011) “*Alternative models for carbon payments to communities under REDD+: A comparison using the Polis model of actor inducements*”. Environmental Science and Policy 14 (2011) 140-151.

UN-REDD PROGRAMME (2010) “*Design of a REDD-Compliant Benefit Distribution System for Viet Nam*”. GTZ, 1/2010.

Winrock International (2011) “*Payment for Forest Environmental Services: A Case Study on Pilot Implementation in Lam Dong Province, Vietnam 2006-2010*”. Riverfront Drive, Little Rock, Arkansas 72202.